

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số nhà 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý III năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.11	66,457,165,359	76,679,304,743	246,209,382,761	186,878,021,033
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.11	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		66,457,165,359	76,679,304,743	246,209,382,761	186,878,021,033
4. Giá vốn hàng bán	11	V.12	48,769,663,097	60,071,983,741	189,167,274,434	145,878,551,269
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17,687,502,262	16,607,321,002	57,042,108,327	40,999,469,764
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.13	488,213,959	11,499,533,303	13,811,700,641	34,021,623,749
7. Chi phí tài chính	22	V.14	9,779,653,505	5,492,823,194	43,059,935,629	12,468,350,491
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9,779,653,505	5,492,823,194	26,907,397,969	12,175,931,381
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.15	5,671,613,303	4,327,157,676	16,901,002,655	12,484,707,521
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2,724,449,413	18,286,873,435	10,892,870,684	50,068,035,501
11. Thu nhập khác	31	V.16	1,820,406,306	84,091,234	1,825,958,291	779,153,794
12. Chi phí khác	32	V.17	557,335,448	27,959,078	566,867,901	423,444,758
13. Lợi nhuận khác	40		1,263,070,858	56,132,156	1,259,090,390	355,709,036
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,987,520,271	18,343,005,591	12,151,961,074	50,423,744,537
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	1,410,184,969	2,027,747,480	4,821,884,216	7,464,702,095

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2,577,335,303	16,315,258,111	10,238,451,557	42,959,042,442
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	1,555,035,291	5,873,492,920	4,901,308,369	15,465,255,279
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	1,022,300,012	10,441,765,191	5,337,143,188	27,493,787,163
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	129	1,165	512	3,413

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hà

Lập ngày 20 tháng 11 năm 2011

Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc



Lê Hà Giang